



SÔNG ĐÀ 11

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
Tel: 0433 545 867 Fax: 0433 542 280
=====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV & LŨY KẾ 31/12/2017

HÀ NỘI THÁNG 01 NĂM 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		791.746.992.443	777.886.638.241
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	163.080.582.267	240.010.237.469
1	Tiền	111		77.080.582.267	150.010.237.469
2	Các khoản tương đương tiền	112		86.000.000.000	90.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		551.283.335	15.886.696.365
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	2.222.493.335	17.839.891.600
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		(1.671.210.000)	(1.953.195.235)
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		490.386.858.179	358.349.501.963
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	376.516.203.986	333.069.321.622
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	68.313.581.869	14.459.358.901
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	795.721.745	795.721.745
6	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	64.477.237.621	64.971.253.794
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(19.715.887.042)	(54.946.154.099)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		129.737.438.804	159.305.585.958
1	Hàng tồn kho	141	V.7	129.737.438.804	159.305.585.958
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		7.990.829.858	4.334.616.486
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	111.108.995	185.852.275
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.839.178.189	4.003.404.558
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		40.542.674	145.359.653
5	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154	V.9	-	-
6	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN(200=220+240+250+260)	200		712.722.031.336	678.240.609.911
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		29.167.658.740	26.463.697.456
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	28.008.158.740	25.304.197.456
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216		1.159.500.000	1.159.500.000
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		643.164.501.907	618.126.123.850
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	636.559.821.673	611.521.443.616
	- Nguyên giá	222		940.035.829.927	874.688.386.487
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(303.476.008.254)	(263.166.942.871)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-

3	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.604.680.234	6.604.680.234
	- Nguyên giá	228		6.604.680.234	6.604.680.234
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		16.908.952.852	9.738.153.164
1	Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.908.952.852	9.738.153.164
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		22.685.000	-
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	22.685.000	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5	Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		23.458.232.837	23.912.635.441
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	6.792.822.719	4.000.839.802
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		144.226.831	3.765.974.618
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.18	-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5	Lợi thuế thương mại	269		16.521.183.287	16.145.821.021
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.504.469.023.779	1.456.127.248.152
	CHỈ TIÊU			SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
C	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.009.425.550.463	1.032.266.414.870
I	Nợ ngắn hạn	310		581.978.704.120	696.158.136.271
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	113.848.957.739	93.929.694.255
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	110.060.681.951	54.206.276.189
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.22	31.170.171.293	21.842.290.205
4	Phải trả người lao động	314		17.283.680.368	23.457.211.380
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		23.196.231.527	21.193.998.019
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		42.500.000	-
9	Phải trả ngắn hạn khác	319		64.280.862.732	130.830.527.997
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		217.682.406.964	331.639.502.669
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.530.308.992	16.451.878.788
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.882.902.554	2.606.756.769
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II	Nợ dài hạn	330		427.446.846.343	336.108.278.599
1	Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	9.527.496.855	14.068.265.660
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27	-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.28	-	202.250.000
7	Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	1.000.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		414.132.806.082	273.561.943.833

9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	1.076.020.315
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.286.543.406	46.199.798.791
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.30	-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		495.043.473.316	423.860.833.282
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.31	495.043.473.316	423.860.833.282
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		37.566.527.623	37.566.527.623
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		20.000.000.000	20.000.000.000
4	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	418		160.692.327.505	127.652.984.979
8	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.986.859.966	38.239.840.373
11	- Lợi nhuận năm trước	421a		(8.268.810.689)	38.239.840.373
	- Lợi nhuận năm nay	421b		74.255.670.655	-
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.25	95.266.708.222	84.870.430.307
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	431		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.504.469.023.779	1.456.127.248.152

Hà nội, ngày 24 tháng 01 năm 2018

LẬP BIỂU

P. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Phạm Thị Dung

Trần Thanh Giang

Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý VI và lũy kế đến 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV/2017	QUÝ IV/2016	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 31/12/2017	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	235.461.563.410	293.470.870.486	703.787.604.984	968.875.469.382
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		235.461.563.410	293.470.870.486	703.787.604.984	968.875.469.382
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	139.635.056.127	221.809.002.611	534.247.363.197	823.615.519.481
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.826.507.283	71.661.867.875	169.540.241.787	145.259.949.901
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	553.531.765	768.285.229	6.870.647.434	2.735.307.198
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.386.983.804	15.235.594.578	45.427.514.413	42.022.599.544
<i>Trong đó :Chi phí lãi vay</i>			<i>11.017.684.303</i>	<i>14.192.017.314</i>	<i>41.538.444.345</i>	<i>38.270.044.416</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Lợi nhuận ở công ty liên kết, liên danh	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	25.719.245.516	26.115.640.647	60.587.836.345	82.712.018.643
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.273.809.728	31.078.917.879	70.395.538.463	23.260.638.912
12. Thu nhập khác	31	VI.6	4.899.842.815	9.953.702.256	52.108.366.490	26.060.412.973
13. Chi phí khác	32	VI.7	(10.894.445.604)	2.978.469.710	21.550.381.290	4.107.381.367
14. Lợi nhuận khác	40		15.794.288.419	6.975.232.546	30.557.985.200	21.953.031.606
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.068.098.147	38.054.150.425	100.953.523.663	45.213.670.518
16. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	V.20	11.207.142.764	9.355.124.544	14.146.928.420	9.714.007.829
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.8	(1.264.943.747)	(2.651.938.172)	2.545.727.472	(2.264.623.388)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65.125.899.130	31.350.964.053	84.260.867.771	37.764.286.077
<i>Lợi nhuận sau thuế của công ty CP SD II</i>	<i>61</i>		<i>62.096.630.675</i>	<i>28.585.807.684</i>	<i>74.255.670.655</i>	<i>32.179.784.403</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>62</i>		<i>3.029.268.455</i>	<i>2.765.156.369</i>	<i>10.005.197.116</i>	<i>5.584.501.674</i>

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV/2017	QUÝ IV/2016	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 31/12/2017	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 31/12/2016
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	4.838	2.355	5.785	2.599
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		4.838	2.355	5.785	2.599

Hà nội, ngày 24 tháng 10 năm 2017

LẬP BIỂU

P. KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Thị Dung



Trần Thanh Giang

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Tuấn

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Lũy kế đến 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2017	LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	891.490.782.195	1.151.748.435.838
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-640.711.062.964	-1.284.165.534.600
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-40.340.351.191	-114.282.578.189
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-33.632.405.033	-26.261.594.776
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-11.387.814.576	-19.022.967.569
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	55.341.481.707	273.071.194.679
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-164.943.742.643	-271.812.550.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	55.816.887.495	-290.725.594.917
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-2.412.255.545	-3.989.595.808
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	1.707.318.602	605.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	212.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.363.132.265	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.192.712.384	2.057.146.361
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.850.907.706	210.673.277.825
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	4.087.000.000	6.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	530.879.263.808	614.643.705.324
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-653.673.691.345	-486.611.936.810
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-22.891.738.520	-22.983.277.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-141.599.166.057	111.048.490.864
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-76.931.370.856	30.996.173.772
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	240.010.237.469	209.014.051.321
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.715.654	12.376
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	163.080.582.267	240.010.237.469

LẬP BIỂU



Phạm Thị Dung

P. KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thanh Giang

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 6 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Trong đó, 5 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và 1 công ty con không được hợp nhất.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con

Trong kỳ, Tập đoàn đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyền góp vốn với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời để sở hữu 57.000.000 cổ phiếu (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty này, trong đó cổ phiếu hiện có là 1.086.000 cổ phiếu và quyền góp vốn tương ứng với 55.914.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 868.800 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT03-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70%	70%	70%	70%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%	56,71%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,1%	65,1%	65,1%	65,1%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei	Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65%	65%	65%	65%

5c. Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tháng 5 năm 2017, Công ty mẹ đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyền góp vốn với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời để sở hữu 57.000.000 cổ phiếu (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty này, trong đó cổ phiếu hiện có là 1.086.000 cổ phiếu và quyền góp vốn tương ứng với 55.914.000 cổ phiếu. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã thanh toán 80% giá chuyển nhượng theo tiến độ hợp đồng và nắm giữ 868.800 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời chưa hoàn tất việc chuyển đổi chủ sở hữu sang Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm Báo cáo tài chính của công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 978 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.918 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định cho từng công trình như sau:

+ Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn hàng} \\ \text{bán trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

+ Đối với các công trình khác

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí (nếu} \\ \text{có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{nếu có} \end{array}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí trồng rừng thay thế và các chi phí khác.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Chi phí trồng rừng thay thế

Chi phí trồng rừng thay thế được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 4 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50
Máy móc và thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Tài sản cố định khác	5

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn là Dự phòng bảo hành công trình xây dựng, được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành phát sinh trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.615.369.046	41.634.868.686
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.465.213.221	108.375.368.783
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	86.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	<u>163.080.582.267</u>	<u>240.010.237.469</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	425.000.000			5.952.000.000		(267.701.635)
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	125.790.000	(1.671.210.000)	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)
Ngân hàng TMCP Quân đội	493.335	780.500		10.090.891.600	10.022.698.000	(68.193.600)
Cộng	<u>2.222.493.335</u>		<u>(1.671.210.000)</u>	<u>17.839.891.600</u>		<u>(1.953.195.235)</u>

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 : giảm do bán 392.950 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 3.929.500.000 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội: giảm do bán toàn bộ số cổ phiếu đã đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(1.953.195.235)	(8.370.913.023)
Trích lập dự phòng bổ sung	(53.910.000)	(53.910.000)
Sử dụng dự phòng	-	4.848.929.788
Hoàn nhập dự phòng	335.895.235	1.690.891.600
Số cuối kỳ	<u>(1.671.210.000)</u>	<u>(1.885.001.635)</u>

2b. Đầu tư vào công ty con

Trong kỳ, Tập đoàn đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyền góp vốn với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời để sở hữu 57.000.000 cổ phiếu (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty này, trong đó cổ phiếu hiện có là 1.086.000 cổ phiếu và quyền góp vốn tương ứng với 55.914.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 868.800 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>145.533.856.424</i>	<i>176.057.822.557</i>
Tổng công ty Sông Đà	145.533.856.424	176.057.822.557
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>230.982.347.562</i>	<i>157.011.499.065</i>
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	33.299.579.856	8.247.258.373
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	29.926.401.434	8.877.445.064
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	12.924.168.413	5.784.620.364
Công ty Điện lực Hưng Yên		
Phải thu khách hàng khác	154.832.197.859	134.102.175.264
Cộng	<u>376.516.203.986</u>	<u>333.069.321.622</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>18.596.995.224</i>	<i>9.388.064.477</i>
Tổng Công ty Sông Đà	18.596.995.224	9.388.064.477
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>9.411.163.516</i>	<i>15.916.132.979</i>
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc		1.999.424.154
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung		3.078.934.209
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Định		4.782.616.648
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Du lịch Công Lý		2.710.939.000
Các khách hàng khác	9.411.163.516	3.344.218.968
Cộng	<u>28.008.158.740</u>	<u>25.304.197.456</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>68.313.581.869</i>	<i>14.459.358.901</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư Bắc Thăng Long		4.177.593.734
Công ty B Fouress	4.624.444.350	2.574.144.000
Công ty Cổ phần MONOTECH Việt Nam		
Công ty TNHH Nhất Nước		
Các nhà cung cấp khác	63.689.137.519	7.707.621.167
Cộng	<u>68.313.581.869</u>	<u>14.459.358.901</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần điện Việt Lào (là bên liên quan) vay với lãi suất 10%/năm.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-	<i>671.750.893</i>	-
Tổng Công ty Sông Đà			671.750.893	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>64.477.237.621</i>		<i>64.299.502.901</i>	<i>(695.750.000)</i>
Ký cược, ký quỹ	2.545.251.357		1.877.760.326	
Tạm ứng	36.629.686.353		41.216.789.296	
Phải thu của CBCNV	1.000.759.257		1.243.732.655	
Phải thu các Đội công trình	880.283.963		237.602.788	
Cổ tức phải thu			695.750.000	(695.750.000)
Tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	2.866.055.492		12.586.018.544	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	219.850.424		267.337.754	
Tiền lãi cho vay	252.310.103		303.714.305	
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (*)			287.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	20.083.040.672		5.583.797.233	
Cộng	<u>64.477.237.621</u>		<u>64.971.253.794</u>	<u>(695.750.000)</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.159.500.000</i>		<i>1.159.500.000</i>	
Ký cược, ký quỹ dài hạn	11.500.000		11.500.000	
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (*)	1.148.000.000		1.148.000.000	
Cộng	<u>1.159.500.000</u>		<u>1.159.500.000</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Các bên liên quan	70.708.220.731	57.537.096.722	36.379.915.330	22.912.348.211
Tổng Công ty Sông Đà	70.708.220.731	57.537.096.722	36.379.915.330	22.912.348.211
Các tổ chức và cá nhân khác	6.402.836.016	1.802.313.985	45.263.321.522	3.784.734.542
Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Trên 3 điện Hà Nội - Tiền năm khối lượng xây lắp	-	-	Trên 3 năm	12.156.428.764
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long - Tiền khối lượng xây lắp	-	-	Trên 3 năm	11.768.729.092
Công ty Cổ phần Thủy điện Từ 2 đến 3 năm Đakdrinh	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	-	-	21.338.163.666	3.784.734.542
Cộng			81.643.236.852	26.697.082.753

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(54.946.154.099)	(47.196.379.297)
Trích lập dự phòng bổ sung	(7.876.266.569)	(5.900.852.294)
Hoàn nhập dự phòng	11.630.139.175	1.508.450.427
Sử dụng dự phòng	31.476.394.451	-
Số cuối kỳ	(19.715.887.042)	(51.588.781.164)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.723.931.188	-	23.485.734.615	-
Công cụ, dụng cụ	1.593.167.441	-	1.589.052.110	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	115.420.340.175	-	134.230.799.233	-
Cộng	129.737.438.804	-	159.305.585.958	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	60.000.000	59.480.101
Chi phí bảo hiểm	51.108.995	94.705.507
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho		31.666.667
Phí bảo hiểm nhà máy thủy điện		
Cộng	<u>111.108.995</u>	<u>185.852.275</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	3.373.352.631	1.382.700.360
Chi phí trồng rừng thay thế	925.653.087	1.579.055.259
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	212.284.337	540.320.921
Tiền khoan phun hầm dẫn	282.848.623	
Thương hiệu Sông Đà	12.500.000	162.500.000
Lợi thế thương mại	118.750.000	193.750.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.867.434.041	142.513.262
Cộng	<u>6.792.822.719</u>	<u>4.000.839.802</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	468.163.020.674	374.101.589.276	30.056.927.957	2.366.848.580	874.688.386.487
Mua trong kỳ	1.253.480.336	1.000.502.334	18.756.000	176.363.638	2.449.102.308
Đầu tư XDCBHT	37.590.021.090	28.891.062.341	-	-	66.481.083.431
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.421.132.432)	(1.065.172.385)	(1.096.437.482)	(3.582.742.299)
Phân loại lại TSCĐ		(1.170.419.672)	205.248.190	965.171.482	-
Số cuối kỳ	507.006.522.100	401.401.601.847	29.215.759.762	2.411.946.218	940.035.829.927
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	584.414.189	20.541.905.840	19.119.700.079	699.543.257	41.124.565.117
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	102.852.600.395	132.255.072.989	26.359.095.621	1.700.173.866	263.166.942.871
Khấu hao trong kỳ	16.164.644.869	24.617.975.490	1.892.229.928	351.757.119	43.026.607.406
Thanh lý, nhượng bán	(12.439.613)	(1.000.551.294)	(1.510.488.500)	(194.062.616)	(2.717.542.023)
Số cuối kỳ	119.004.805.651	155.872.497.185	26.740.837.049	1.857.868.369	303.476.008.254
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	365.310.420.279	241.846.516.287	3.697.832.336	666.674.714	611.521.443.616
Số cuối kỳ	388.001.716.449	245.529.104.662	2.474.922.713	554.077.849	636.559.821.673
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất lâu dài

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	2.449.102.308	(2.449.102.308)	
Xây dựng cơ bản dở dang	9.738.153.164	74.183.378.374	(67.012.578.686)	16.908.952.852
Cộng	9.738.153.164	76.632.480.682	(69.461.680.994)	16.908.952.852

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Là Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thu nhập bán thanh lý tài sản trong nội bộ	30.068.923		30.068.923
Khấu hao chênh lệch do mua bán tài sản nội bộ	21.102.594		21.102.594
Dự phòng bảo hành công trình	3.534.940.308	(3.534.940.308)	
Khoản trích lập dự phòng phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	86.807.479	(86.807.479)	
Giá vốn Công trình 35kV Quế Võ - Bắc Ninh chưa được ghi nhận	93.055.314		93.055.314
Cộng	3.765.974.618	(3.621.747.787)	144.226.831

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

14. Lợi thế thương mại

	<u>Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn</u>	<u>Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà</u>	<u>Công ty Cổ phần đầu tư điện Mặt Trời</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	10.410.703.338	11.606.325.324		22.017.028.662
Tăng trong kỳ			8.514.240.000	8.514.240.000
Điều chỉnh giảm do nhận cổ tức trước ngày đầu tư		(5.407.590.000)		(5.407.590.000)
Số cuối kỳ	10.410.703.338	6.198.735.324	8.514.240.000	25.123.678.662
Số đã phân bổ				
Số đầu năm	2.776.187.556	3.095.020.085	0	5.871.207.641
Phân bổ trong kỳ	2.085.140.668		851.424.000	2.933.564.668
Điều chỉnh khác		(-202.276.934)		(202.276.934)
Số cuối kỳ	4.858.328.224	2.892.743.151	851.424.000	8.602.495.5

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị còn lại	Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	Công ty Cổ phần đầu tư điện Mặt Trời	Cộng
Số đầu năm	7.634.515.782	8.511.305.239		16.145.821.021
Số cuối kỳ	<u>5.552.375.114</u>	<u>3.305.992.173</u>	7.662.816.000	<u>16.521.183.287</u>

15. Phải trả người bán**15a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	113.848.957.739	93.929.694.255
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	1.681.017.120	6.826.908.628
Các nhà cung cấp khác	112.167.940.619	87.102.785.627
Cộng	<u>113.848.957.739</u>	<u>93.929.694.255</u>

15b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	9.527.496.855	14.068.265.660
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	1.241.447.338	1.607.934.880
Công ty Cổ phần Thành Long	1.958.667.410	
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	1.955.853.524	1.303.902.350
Các nhà cung cấp khác	4.371.528.583	11.156.428.430
Cộng	<u>9.527.496.855</u>	<u>14.068.265.660</u>

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	962.240.774	5.500.780.228
Tổng công ty Sông Đà	962.240.774	5.500.780.228
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	109.098.441.177	48.705.495.961
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	24.736.212.010	14.326.777.281
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	5.884.962.443	13.960.187.719
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	17.000.000.000	1.592.760.354
Công ty Điện lực Hưng Yên	-	
Công ty Thủy điện Đại Ninh	3.688.093.385	8.320.000.000
Các khách hàng khác	57.789.173.339	10.505.770.607
Cộng	<u>110.060.681.951</u>	<u>54.206.276.189</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, toa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.338.850.608		45.211.245.225	(41.634.583.600)	12.915.512.233	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	111.789.225		1.376.169.830	(1.376.169.830)	111.789.225	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.911.840.216	3.396.442	14.146.928.420	(11.387.814.576)	11.670.954.060	3.396.442
Thuế thu nhập cá nhân	2.242.567.319	141.963.211	5.562.886.936	(5.245.247.543)	713.141.086	37.146.232
Thuế tài nguyên	659.034.236		9.805.826.947	(9.680.780.400)	784.080.783	-
Thuế nhà đất	145.201		2.436.375.006	(2.436.375.006)	145.201	-
Tiền thuế đất			144.585.000	(144.585.000)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	151.916.720		400.462.176	(357.780.580)	268.980.336	-
Các loại thuế khác			24.000.000	(24.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	426.146.680		5.235.697.468	(2.728.959.385)	4.705.568.369	-
Cộng	21.842.290.205	145.359.653	84.344.177.008	(75.016.295.920)	31.170.171.293	40.542.674

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (Công ty mẹ) được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty mẹ áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp; Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1012100022 ngày 04 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng của nhà máy thủy điện Sông Miện với thuế suất là 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ 3 Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn được giảm 50% số thuế phải nộp.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000033 ngày 13 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Đoa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ 3 Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.690.150.249	9.003.938.739
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	456.778.171	710.069.090
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.146.928.420	9.714.007.829

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4%/ giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	23.196.231.527	21.193.998.019
Trích trước chi phí công trình	4.716.360.719	19.749.545.290
Trích trước chi phí thuê đất	18.072.815.240	
Chi phí lãi vay phải trả	-	1.163.749.329
Chi phí phải trả khác	407.055.568	280.703.400
Cộng	<u>23.196.231.527</u>	<u>21.193.998.019</u>

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là phí ủy thác góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7.

20. Phải trả khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	64.280.862.732	130.830.527.997
Kinh phí công đoàn	627.954.556	1.055.060.892
Bảo hiểm xã hội	3.520.148.722	2.894.891.054
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	55.627.415	500.000.000
Cổ tức phải trả	1.378.487.673	20.610.790.173
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	425.000.000	2.022.500.000
Phải trả các đội tiền khoán công trình	28.799.614.675	43.707.996.129
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng trả hộ chủ đầu tư	-	918.260.306
Tổng Công ty Phát triển Đường cao tốc Việt Nam (Công trình Đường dây 500KV Đà Nẵng Quảng Ngãi)	-	27.093.934.635
BQL Dự án các Công trình Điện Miền Bắc (Công trình Đường dây 220KV Trục Ninh - Nam Định)	14.137.418.337	
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	-	3.403.461.175
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.336.611.354	28.623.633.633
Cộng	<u>64.280.862.732</u>	<u>130.830.527.997</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược		500.000.000
Cộng	<u>500.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	201.147.914.964	297.041.700.669
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây</i>	<i>51.584.401.907</i>	<i>58.400.136.799</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung</i>	<i>56.693.933.466</i>	<i>84.860.958.470</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ</i>	<i>92.869.579.591</i>	<i>149.180.605.400</i>
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội</i>		<i>4.600.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	<u>16.534.492.000</u>	<u>34.597.802.000</u>
Cộng	<u>217.682.406.964</u>	<u>331.639.502.669</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	297.041.700.669	34.597.802.000	331.639.502.669
Số tiền vay phát sinh	395.602.709.915	-	395.602.709.915
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	17.367.077.289	17.367.077.289
Số tiền vay đã trả	<u>(491.496.495.620)</u>	<u>(35.430.387.289)</u>	<u>(526.926.882.909)</u>
Số cuối kỳ	<u>201.147.914.964</u>	<u>16.534.492.000</u>	<u>217.682.406.964</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên		125.368.400.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà ⁽ⁱ⁾	1.279.862.697	2.599.862.697
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾	782.882.087	3.062.882.087
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	-	99.669.682
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	591.747.724	81.421.093.057
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ^(iv)	325.237.180.392	2.906.186.160
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ ^(v)	47.192.501.787	8.613.841.148
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang ^(vi)	39.048.631.395	49.490.009.002
Cộng	<u>414.132.806.082</u>	<u>273.561.943.833</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và hoàn vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đăk Đoa với lãi suất cố định trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng với mức biên là 2,80%/năm, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 01 tháng 3 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp công trình nhà máy thủy điện Đăk Đoa.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng số 35/16/NHNT ngày 28/12/2016 để hoàn vốn một phần chi phí đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện To Buông với lãi suất biến đổi được điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 7,6%/năm. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp công trình Nhà máy Thủy điện To Buông

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo giấy nhận nợ số 01/36/16/NHNT ngày 20/2/2017, thời hạn vay 120 tháng từ 20/2/2017 đến 20/2/2027, lãi suất cố định trong 12 tháng đầu là 7,8%/năm, điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng/1 lần, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là Công trình Nhà máy Thủy điện Thác Trắng.

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 31/2014/HĐTDDA ngày 13 tháng 10 năm 2014 để thực hiện dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp 2014". Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.026.815.464 VND và 2.194.484.255 VND. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng/lần.

Hợp đồng tín dụng số 19/2015/HĐTDDA/NHCT324-SĐTL11 ngày 11 tháng 04 năm 2015 để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng chi nhánh 11.5 Thăng Long tại thành phố Đà Nẵng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Hợp đồng tín dụng số 39/2015/HĐTDDA/NHCT324-SĐTL11 ngày 06 tháng 7 năm 2015 để thực hiện dự án "Đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công xây lắp". Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.172.281.818 VND và 1.830.715.780 VND. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

- (v) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng tín dụng số 1400LAV201600537/HĐTĐ ngày 21/04/2016 để thanh toán các chi phí phát sinh hình thành nên giá trị tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Đông Khùa do Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông đầu tư với lãi suất biến đổi được điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10,5%/năm. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là nhà máy thủy điện Đông Khùa.

- (vi) Khoản vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn chi nhánh tỉnh Hà Giang theo hợp đồng tín dụng số 8200-LAV200901558/HĐTĐ ngày 26/03/2009 và phụ lục hợp đồng số 05/PLHĐ ngày 29/05/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của hợp đồng tín dụng gốc, mục đích để thanh toán một phần chi phí đầu tư thực hiện dự án Công trình thủy điện Sông Miện với lãi suất theo lãi suất thả nổi được Ngân hàng NN & PT Nông thôn tỉnh Hà Giang tự điều chỉnh, tối đa 6 tháng một lần. Thời hạn vay 153 tháng kể từ ngày 03/04/2009, thời gian ân hạn 24 kể ngày 03/04/2009. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 12 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản Cụm đầu mối - Nhà máy (thân đập + nhà máy); Trạm tăng áp 6/35kV (trạm truyền tải điện); Nhà vận hành (nhà điều hành + nhà ở công nhân).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	17.184.492.000	34.597.802.000
Trên 1 năm đến 5 năm	92.848.123.903	172.666.609.628
Trên 5 năm	171.617.501.787	100.895.334.205
Cộng	281.650.117.690	308.159.745.833

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	273.561.943.833
Số tiền vay phát sinh	293.600.947.974
Số tiền vay đã trả	(134.194.600.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(18.835.485.725)
Số cuối kỳ	414.132.806.082

21c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả

22a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	5.239.004.566
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	1.530.308.992
Số hoàn nhập	-5.239.004.566
Số cuối kỳ	1.530.308.992

22b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	39.737.971.473
Tăng do trích lập	1.663.459.804
Số hoàn nhập	-36.717.189.349
Giảm do phân loại sang dự phòng phải trả ngắn hạn	-1.397.698.522
Số cuối kỳ	3.286.543.406

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.606.756.769	1.424.545.785	(1.148.400.000)	2.882.902.554
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		500.000.000	(500.000.000)	-
Cộng	2.606.756.769	1.924.545.785	(1.648.400.000)	2.882.902.554

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến việc hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con và dự phòng nợ phải thu công ty con quá hạn thanh toán. Chi tiết phát sinh như sau

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng giảm giá đầu tư	1.076.020.315	(1.076.020.315)	0
Cộng	1.076.020.315	(1.076.020.315)	0

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu**25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	115.531.050.000	37.566.527.623	20.000.000.000	67.247.066.956	104.043.433.846	73.285.928.633	417.674.007.058	
Tăng do góp vốn trong kỳ này						6.000.000.000	6.000.000.000	
Lợi nhuận trong kỳ này					32.179.784.403	5.584.501.674	37.764.286.077	
Trích lập các quỹ tại công ty mẹ, con				60.405.918.023	(63.324.062.876)		(2.918.144.853)	
Chia cổ tức trong kỳ					(23.106.210.000)		(23.106.210.000)	
Tạm ứng cổ tức năm nay					(11.553.105.000)		(11.553.105.000)	
Số dư cuối kỳ trước	115.531.050.000	37.566.527.623	20.000.000.000	127.652.984.979	38.239.840.373	84.870.430.307	423.860.833.282	
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	37.566.527.623	20.000.000.000	127.652.984.979	38.239.840.373	84.870.430.307	423.860.833.282	
Lợi nhuận trong kỳ				-	74.255.670.655	10.005.197.116	84.260.867.771	
Trích lập các quỹ tại công ty mẹ				26.934.985.100	(28.466.438.062)		(1.531.452.962)	
Trích lập các quỹ tại công ty con				6.104.357.426	(6.489.108.000)	(208.804.201)	(593.554.775)	
Chia cổ tức, lợi nhuận					(11.553.105.000)	(3.478.800.000)	(15.031.905.000)	
Số dư cuối kỳ này	115.531.050.000	37.566.527.623	20.000.000.000	160.692.327.505	65.986.859.966	95.266.708.222	495.043.473.316	

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	37.566.527.623	37.566.527.623
Cộng	153.097.577.623	153.097.577.623

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.553.105	11.553.105
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Vốn khác của chủ sở hữu

Là phần vốn điều lệ tăng thêm trong năm 2015 tại Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế.

25e. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 23.106.210.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 26.934.985.100
• Trích quỹ khen thưởng	: 515.726.481
• Trích quỹ phúc lợi	: 515.726.481
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành công ty	: 500.000.000

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

26a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 2.326,76 USD (số đầu năm là 2.588,93 USD).

26b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị Điện Hà Nội	12.156.428.764		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Linh Linh	1.261.738.423		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	18.300.844.694		Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Cộng	33.045.196.881		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	139.027.632.650	108.367.022.524
Doanh thu hợp đồng xây dựng	540.460.015.715	823.410.969.240
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	24.299.956.619	37.097.477.168
Cộng	703.787.604.984	968.875.469.382

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Doanh thu xây lắp thực hiện	85.569.719.861	376.904.850.281
Doanh thu cung cấp điện		78.767.168

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	60.416.444.260	48.383.972.260
Giá vốn của hoạt động xây dựng	455.721.913.836	736.024.185.713
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	18.109.005.101	39.027.361.508
Cộng	534.247.363.197	823.615.519.481

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.447.628.336	1.201.509.081
Lãi tiền cho vay	9.525.000	440.502.698
Cổ tức, lợi nhuận được chia	376.213.200	
Phí bảo lãnh	75.660.762	1.027.393.090
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	31.034.437	65.902.329
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	1.930.585.699	
Cộng	6.870.647.434	2.735.307.198

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	41.550.638.970	38.270.044.416
Phí trả nợ trước hạn	-	
Phí bảo lãnh	1.819.364.476	5.085.341.914
Lỗ do hoán đổi cổ phiếu	70.339.535	1.576.195.788
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.276.692	47.148.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	12.194.625	48.970.626
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	38.356.164	(3.144.983.788)
Chi phí tài chính khác	1.932.343.951	139.881.713
Cộng	45.427.514.413	42.022.599.544

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	36.289.349.899	38.883.618.054
Chi phí vật liệu quản lý	2.584.594.079	3.083.298.484
Chi phí đồ dùng văn phòng	848.750.906	878.392.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.660.598.679	2.396.738.994
Thuế, phí và lệ phí	743.172.067	924.391.387
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(2.425.956.176)	7.749.774.802
Phân bổ lợi thế thương mại	2.731.287.734	4.403.405.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.080.324.509	5.961.164.424
Các chi phí khác	12.075.714.648	18.431.234.038
Cộng	60.587.836.345	82.712.018.643

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.717.812.804	349.265.823
Lãi thanh lý, nhượng bán Công cụ dụng cụ	154.415.000	
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	117.361	2.234.025.172
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	45.024.476.563	22.922.730.054
Thu nhập khác	5.211.544.762	554.391.924
Cộng	52.108.366.490	26.060.412.973

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý vật tư	362.711.579	
Giá trị các công trình bị cắt giảm do quyết toán	18.602.089.547	
Phạt thuế, BHXH	1.392.497.827	3.385.251.836
Phạt hành chính	-	
Xử lý vật tư bị mất	478.679.134	96.331.309
Chi phí hỗ trợ thiệt hại do nước tràn	-	
Chi phí khác	714.403.203	625.798.222
Cộng	21.550.381.290	4.107.381.367

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		(823.871.322)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		31.476.191
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.076.020.315)	(1.472.228.257)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.621.747.787	
Cộng	2.545.727.472	(2.264.623.388)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	74.255.670.655	32.179.784.403
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(7.925.567.065)	(2.156.542.227)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.425.567.065)	(2.156.542.227)
- Trích thưởng ban điều hành	(500.000.000)	
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.830.103.589	30.023.242.176
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm/kỳ	11.553.105	11.553.105
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.785	2.599

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 2.205.201.364 VND (cùng kỳ năm trước là 2.448.261.590 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Chi phí dịch vụ		992.494.315
Tiền lãi vay phải trả		19.512.411
Mua tài sản của Tổng công ty Sông Đà		160.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.3; V.7 và V.16

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	540.460.015.715	163.327.589.269	703.787.604.984
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	540.460.015.715	163.327.589.269	703.787.604.984
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	84.738.101.879	84.802.139.908	169.540.241.787
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(60.587.836.345)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			108.952.405.442
Doanh thu hoạt động tài chính			6.870.647.434
Chi phí tài chính			(45.427.514.413)
Thu nhập khác			52.108.366.490
Chi phí khác			(21.550.381.290)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(14.146.928.420)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(2.545.727.472)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			84.260.867.771
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	52.933.596.733	15.996.589.006	68.930.185.739
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.571.914.096	2.892.642.580	12.464.556.676
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	823.410.969.240	145.464.500.142	968.875.469.382
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	823.410.969.240	145.464.500.142	968.875.469.382

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>87.386.783.527</u>	<u>57.873.166.374</u>	145.259.949.901
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(82.712.018.643)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			62.547.931.258
Doanh thu hoạt động tài chính			2.735.307.198
Chi phí tài chính			(42.022.599.544)
Thu nhập khác			26.060.412.973
Chi phí khác			(4.107.381.367)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(9.714.007.829)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			2.264.623.388
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>37.764.286.077</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	<u>181.072.815.699</u>	<u>31.988.481.583</u>	<u>213.061.297.282</u>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.593.159.821	1.871.396.855	12.464.556.676
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	<u>4.839.182.376</u>	<u>854.894.180</u>	<u>5.694.076.556</u>
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:			
	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	710.889.272.289	557.608.785.078	1.268.498.057.367
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			235.970.966.412
Tổng tài sản			<u>1.504.469.023.779</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	895.729.794.031	62.359.002.217	958.088.796.248
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			51.336.754.215
Tổng nợ phải trả			<u>1.009.425.550.463</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	573.646.870.888	557.608.785.078	1.131.255.655.966
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			324.871.592.186
Tổng tài sản			<u>1.456.127.248.152</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	922.001.154.299	62.359.002.217	984.360.156.516
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			47.906.258.354
Tổng nợ phải trả			<u>1.032.266.414.870</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	613.522.874.117	512.202.854.976
Khu vực nước ngoài	90.264.730.867	456.672.614.406
Cộng	703.787.604.984	968.875.469.382

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách bằng cách tìm hiểu kỹ thông tin về tình hình tài chính trước khi giao dịch với khách hàng. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các công ty con vay tiền. Các Công ty này hoạt động có hiệu quả và Công ty kiểm soát được khả năng thanh toán. Vì vậy rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	163.080.582.267				163.080.582.267
Chứng khoán kinh doanh	425.493.335	1.797.000.000			2.222.493.335
Phải thu khách hàng	320.873.641.991			83.650.720.735	404.524.362.726
Các khoản cho vay	795.721.745				795.721.745
Các khoản phải thu khác	25.746.657.624				25.746.657.624
Cộng	510.922.096.962	1.797.000.000		83.650.720.735	596.369.817.697
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	240.010.237.469				240.010.237.469
Chứng khoán kinh doanh		17.839.891.600			17.839.891.600
Phải thu khách hàng	277.426.032.226			80.947.486.852	358.373.519.078
Các khoản cho vay	795.721.745				795.721.745
Các khoản phải thu khác	22.005.791.301			695.750.000	22.701.541.301
Cộng	540.237.782.741	17.839.891.600		81.643.236.852	639.720.911.193

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	217.682.406.964	92.848.123.903	171.617.501.787	482.148.032.654
Phải trả người bán	113.848.957.739	9.527.496.855		123.376.454.594
Các khoản phải trả khác	55.634.685.298	3.786.543.406		59.421.228.704
Cộng	387.166.050.001	106.162.164.164	171.617.501.787	664.945.715.952
Số đầu năm				
Vay và nợ	331.639.502.669	172.666.609.628	100.895.334.205	605.201.446.502
Phải trả người bán	93.929.694.255	14.068.265.660		107.997.959.915
Các khoản phải trả khác	115.392.495.554	47.199.798.791		162.592.294.345
Cộng	540.961.692.478	233.934.674.079	100.895.334.205	875.791.700.762

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	LAK	USD	LAK
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.326,76	356.000,00	2.588,93	500.000,00
Các khoản phải trả khác				
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	2.326,76	356.000,00	2.588,93	500.000,00

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	LAK	USD	LAK
Tiền và các khoản tương đương tiền		86.000.000.000		90.000.000.000
Các khoản cho vay		795.721.745		795.721.745
Vay và nợ		(482.148.032.654)		(605.201.446.502)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần		(395.352.310.909)		(514.405.724.757)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm 6.325.636.975 VND (năm trước giảm 6.372.617.851 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	163.080.582.267		240.010.237.469	
Chứng khoán kinh doanh	2.222.493.335	(1.671.210.000)	17.839.891.600	(1.953.195.235)
Phải thu khách hàng	404.524.362.726	(19.715.887.042)	358.373.519.078	(54.250.404.099)
Các khoản cho vay	795.721.745		795.721.745	
Các khoản phải thu khác	25.746.657.624	-	22.701.541.301	(695.750.000)
Cộng	596.369.817.697	(21.387.097.042)	639.720.911.193	(56.899.349.334)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	482.148.032.654	605.201.446.502
Phải trả người bán	123.376.454.594	107.997.959.915
Các khoản phải trả khác	59.421.228.704	162.592.294.345
Cộng	664.945.715.952	875.791.700.762

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)


5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

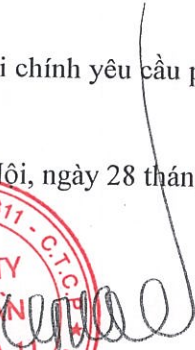
Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2018



Phạm Thị Dung
Người lập biểu



Trần Thanh Giang
Phó Kế toán trưởng



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc